

Bài 29: 本文

私の失敗



失敗	しっぱい	thất bại
通り過ぎる	とおりすぎる	đi quá
(お)葬式	おそうしき	lễ tang
並びます	ならびます	xếp, sắp xếp
あたまをさげます		cúi đầu
番になります	ばんになります	đến lượt
台	だい	bệ, đài
粉	こな	bột
まずい		dở, chán phèo
ふる屋		cửa hàng dịch vụ tắm bồn kiểu Nhật

Bài 29: 本文

私の失敗

Thất bại của tôi



HOC TIENG NHAT COSMOS

わたしは先週友達のうちへ遊びに行きました。
せんしゅうともだち あそ び

大阪駅で来た電車にすぐ乗りました。
おおさかえき き でんしゃ の

友達はうちの近くの駅で待っていると
ともだち ちか えき ま

言いました。でも、わたしが乗った電車は
い の でんしゃ

その駅を通り過ぎてしまいました。それは
えき とお す

特急電車でした。京都までどこにも
とっきゅうでんしゃ きょうと

止まりませんでした。わたしはもう一度
と いちど

大阪へ行く電車に乗りました。友達は
おおさか い でんしゃ のともだち

駅で2時間待っていてくれました。うれしかったです。
えき じかん ま

Bạn Light

Tuần trước tôi đã đến nhà bạn chơi.

Tôi đã leo ngay lên tàu điện vừa tới ở ga Osaka. Bạn tôi đã nói rằng: đang chờ ở nhà ga gần nhà. Thế nhưng, chuyến tàu tôi leo lên đã đi qua ga đó. Và đó chính là tàu Tokkyu và cho tới Kyoto sẽ không dừng ở bất kỳ ga nào cả. Và một lần nữa, tôi phải lên chuyến tàu về Osaka. Bạn tôi đã đợi 2 tiếng ở nhà ga. Tôi đã rất vui vì điều đó.

ミゲルさん



HOC TIENG NHAT COSMOS

課長のお母さんのお葬式がありました。
かちょう かあ そうしき

わたしも会社の人といっしょにお葬式に行
かいしゃ ひと そうしき い

きました。人がたくさん並んでいました。
ひと なら

みんな写真の前で頭を下げて、手で何か
しゃしん まえ あたま さ て なに

口に入れていました。
くち い

わたしの番になりました。台の上に
ばん だい うえ

粉がありました。あまりいいにおいでは
こな

ありませんでしたが、日本の習慣だと
にほん しゅうかん

思って、食べてしまいました。
おも た

まずかったです。あとで友達があれば
ともだち

食べ物じゃないと教えてくれました。
た もの おし

ミゲルさん



Bạn Migeru

Tôi đã cùng đồng nghiệp đến dự lễ tang mẹ của trưởng phòng. Có rất nhiều người đã xếp hàng ở đó. Mọi người cúi đầu trước ảnh và đã cho cái gì đó vào mũi.

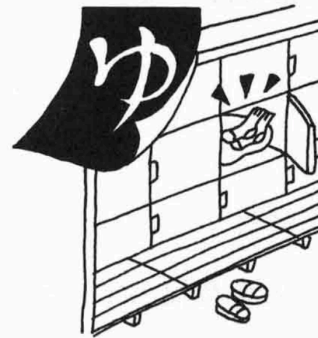
Đến lượt tôi. Có bột ở trên bàn (ban thờ). Mặc dù mùi không thơm lắm nhưng tôi đã ăn nó vì nghĩ rằng đó là phong tục ở Nhật. Thực sự rất dở. Sau đó, bạn tôi đã chỉ rằng đó không phải là đồ ăn.



HOC TIENG NHAT COSMOS

わたしは国で日本のふろ屋について本を
読みました。とてもおもしろいと思いました。
それで日本へ来てすぐふろ屋へ行きました。
わたしの本には写真があって、棚がたくさん
並んでいる所で、みんな服を脱いでいました。
わたしも棚が並んでいる所で服を脱いで、棚に
服を入れました。それから中に入りました。そこには
もっと大きい棚が並んでいました。わたしは入り口で
服を脱いで、靴を入れる所に服を入れてしまったのです。

ジョンさん



ジョンさん

Tôi đã đọc rất nhiều sách về nhà tắm xông hơi tập thể (furo) ở Nhật. Tôi thấy nó rất thú vị. Do vậy, tôi đã đến đó ngay sau khi đến Nhật. Trong sách của tôi, có rất nhiều ảnh, và mọi người sẽ cởi đồ ở nơi xếp nhiều giá. Tôi cũng đã cởi đồ ở nơi có giá để và để quần áo vào đó rồi đi vào bên trong. Ở bên trong đó, có đặt giá to hơn thế. Và tôi đã cởi quần áo ở ngay cửa ra vào và cho quần áo vào giá để giày dép.

Luyện tập



HOC TIENG NHAT COSMOS

I 1. 正しいものに○、正しくないものに×を書いてください。
ただ ただ か

1) () ライトさんは特急電車に乗ってしまった。
とっきゅうてんしゃ の

2) () ライトさんの友達のうちの近くの駅は特急が止まらない。
ともだち ちか えき とっきゅう ど

3) () ミゲルさんが食べた粉は食べ物だった。
た こな た もの

4) () 靴を入れる棚は服を入れる棚より大きい。
くつ い たな ふく い たな おお

5) () ジョンさんは靴を脱ぐ所で服を脱いでしまった。
くつ ぬ ところ ふく ぬ

2. 答えてください。
こた

1) ライトさんはどうしてうれしかったのですか。

2) ミゲルさんはどうして粉を食べてしまいましたか。
こな た

3) ジョンさんはどうして日本へ来てすぐふろ屋へ行きましたか。
にほん き や い

II あなたやあなたの友達は日本で何か失敗をしましたか。
ともだち にほん なに しっばい

どんな失敗でしたか。
しっばい

回答

I 1. 1) ○ 2) ○ 3) × 4) × 5) ○

2. 1) 友達が駅で待っていてくれましたから。
ともだち えき ま

2) 日本の習慣だと思いましたから。
にほん しゅうかん おも

3) 国でふろ屋について本を読んで、おもしろいと思いましたから。
くに や ほん よ おも